

Màn hình Dell™ S2240T

Hướng dẫn sử dụng

Mẫu: S2240Tb

10-2015 Bản sửa đổi A06



Lưu ý, thận trọng và cảnh báo



LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính tốt hơn.



THẬN TRỌNG: THẬN TRỌNG cho biết khả năng bị hỏng phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo hướng dẫn.



CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết khả năng bị hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

Thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần thông báo.

© 2013-2015 Dell Inc. Bảo lưu mọi quyền.

Cấm sao chép các tài liệu này dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của Dell Inc.

Các thương hiệu dùng trong văn bản này: *Dell* và logo *DELL* là thương hiệu của Dell Inc.; *Microsoft* và *Windows* là thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác; *Intel* là thương hiệu đã đăng ký của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và các nước khác; và *ATI* là thương hiệu của Advanced Micro Devices, Inc. *ENERGY STAR* là thương hiệu đã đăng ký của Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ. Là đối tác của *ENERGY STAR*, Dell Inc. đã khẳng định rằng sản phẩm này đáp ứng các hướng dẫn của *ENERGY STAR* về hiệu quả năng lượng.

Các thương hiệu và tên thương mại khác có thể được sử dụng trong tài liệu này để chỉ đến các thực thể tuyên bố quyền sở hữu thương hiệu và tên đó hoặc chỉ đến sản phẩm của họ. Dell Inc. từ bỏ mọi quyền lợi chủ sở hữu đối với các thương hiệu và tên thương mại không phải của mình.

Nội dung

1	Thông tin về màn hình của bạn	5
	Nội dung gói hàng	5
	Tính năng sản phẩm	6
	Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển	7
	Thông số kĩ thuật màn hình	10
	Chức năng Cắm và Chạy	17
	Giao diện của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng (USB)	18
	Chất lượng màn hình LCD và chính sách điểm ảnh	18
	Hướng dẫn bảo trì	19
2	Lắp đặt màn hình	21
	Chuẩn bị giá đỡ	21
	Kết nối màn hình	21
	Sắp xếp dây cáp	23
	Gỡ giá đỡ màn hình	24
	Treo tường (tùy chọn)	24
3	Vận hành màn hình	27
	Bật nguồn màn hình	27
	Sử dụng Bộ điều khiển mặt bên	27
	Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)	29
	Thiết đặt độ phân giải tối đa	41
	Vận dụng chức năng nghiêng để dùng cảm ứng	42
4	Khắc phục sự cố	43
	Tự kiểm tra	43
	Chẩn đoán tích hợp sẵn	44
	Minh họa tại cửa hàng	45
	Các vấn đề thông thường	45
	Vấn đề cảm ứng	48
	Các vấn đề cụ thể của sản phẩm	49

5 Phụ lục	51
Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác.	51
Liên hệ Dell.	51
Thiết lập màn hình của bạn	51

1

Thông tin về màn hình của bạn

Nội dung gói hàng

Màn hình của bạn được giao cùng với những thành phần như minh họa bên dưới. Đảm bảo rằng bạn đã nhận đủ các thành phần và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu một thứ gì đó.



LƯU Ý: Một số món có thể ở dạng tùy chọn và không được giao tới cùng màn hình. Một số tính năng hay đa phương tiện có thể không có ở những quốc gia nhất định.



LƯU Ý: Để lắp đặt với bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt của giá đỡ đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

	<ul style="list-style-type: none">• Màn hình
	<ul style="list-style-type: none">• Cáp nguồn
	<ul style="list-style-type: none">• Bộ chuyển đổi nguồn
	<ul style="list-style-type: none">• Cáp HDMI

	<ul style="list-style-type: none"> • Cáp USB (cho phép chức năng màn hình cảm ứng trên màn hình)
	<ul style="list-style-type: none"> • Khăn lau chùi
	<ul style="list-style-type: none"> • Dây đai khoá dán
	<ul style="list-style-type: none"> • Trình điều khiển và đa phương tiện tài liệu • Hướng dẫn lắp đặt nhanh • Hướng dẫn về sản phẩm và thông tin an toàn

Tính năng sản phẩm

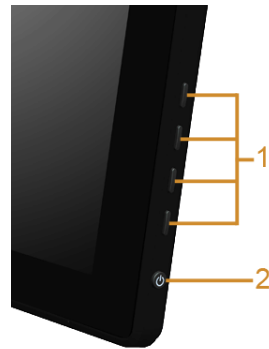
Màn hình bản phẳng **Dell S2240T** có một ma trận chủ động, Bóng bán dẫn màn mỏng (TFT), Hiển thị tinh thể lỏng (LCD) và đèn nền Diode phát sáng (LED). Các tính năng màn hình bao gồm:

- **S2240T:** vùng hiển thị xem được 54,6 cm (21,5 inch) (đo theo chiều chéo). Độ phân giải 1920 x 1080, cộng với hỗ trợ toàn màn hình cho những độ phân giải thấp hơn.
- Góc nhìn rộng cho phép nhìn từ vị trí ngồi hay đứng, hoặc trong lúc di chuyển từ bên này sang bên kia.
- Có thể chỉnh nghiêng.
- Giá đỡ tháo lắp được và các lỗ nâng đỡ 100 mm của Hiệp hội tiêu chuẩn điện tử video (VESA™) cho các giải pháp nâng đỡ linh hoạt.
- Chức năng cảm và chạy nếu hệ thống của bạn có hỗ trợ.
- Điều chỉnh Hiển thị trên màn hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hoá màn hình.
- Đa phương tiện tài liệu hướng dẫn và phần mềm bao gồm Tập tin thông tin (INF), Tập tin điều chỉnh màu ảnh (ICM) và tài liệu hướng dẫn sản phẩm.

- Phần mềm Dell Display Manager kèm theo (nằm trong đĩa CD được gửi cùng với màn hình).
- Tính năng Tiết kiệm năng lượng theo tuân thủ Energy Star.
- Khe khoá an toàn.
- Chức năng chuyển từ tỉ lệ khung hình rộng sang khung hình tiêu chuẩn mà vẫn giữ được chất lượng hình ảnh.
- Đánh giá bạc theo EPEAT.
- Thủy tinh không thạch tín và không thủy ngân chỉ dành cho bản màn hình.
- Tỉ lệ tương phản động cao (8,000,000:1).
- Nguồn điện trạng thái tạm nghỉ 0,5 W khi đang ở chế độ ngủ.
- Thiết bị đo điện năng cho biết mức điện năng được màn hình sử dụng theo thời gian thực.

Nhận diện các bộ phận và phần điều khiển

Góc nhìn mặt trước



Điều khiển mặt bên

Nhãn	Mô tả
1	Các nút chức năng (Để biết thêm thông tin, hãy xem Vận hành màn hình)
2	Nút tắt/mở nguồn (có đèn LED chỉ báo)

Góc nhìn mặt sau



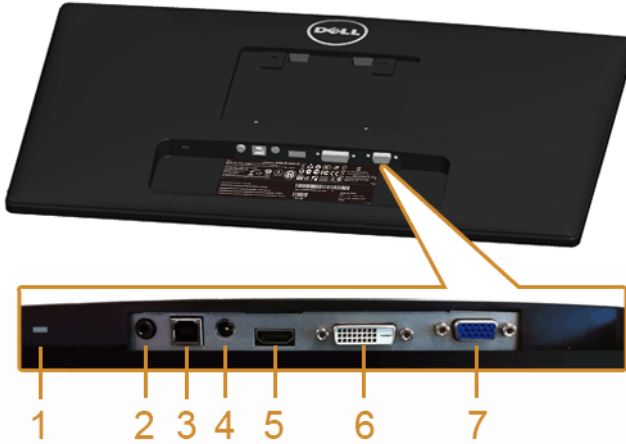
Góc nhìn mặt sau có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Các lỗ nâng đỡ VESA (100 mm x 100 mm - đằng sau tấm VESA gắn kèm)	Treo màn hình lên tường bằng bộ treo tường tương thích với VESA (100 mm x 100 mm).
2	Khe khoá an toàn	Sử dụng khoá an toàn với khe này nhằm bảo vệ màn hình.
3	Nhãn đánh giá theo quy định	Liệt kê các phê chuẩn quy định.
4	Nhãn chuỗi số mã vạch	Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ Dell để được hỗ trợ kĩ thuật.
5	Khe luồn cáp	Sử dụng để gom các dây cáp lại bằng cách đặt chúng qua khe này.

Góc nhìn mặt bên



Góc nhìn mặt dưới



Góc nhìn mặt dưới không có giá đỡ màn hình

Nhãn	Mô tả	Sử dụng
1	Khe khoá an toàn	Bảo vệ màn hình với khoá cáp an toàn.
2	Ngõ ra âm thanh	Kết nối loa của bạn.*
3	Cổng USB ngược tuyến (upstream)	Dùng cáp USB đi kèm với màn hình của bạn để kết nối với màn hình và máy tính. Khi đã kết nối cáp, bạn có thể sử dụng chức năng màn hình cảm ứng trên màn hình.
4	Đầu kết nối dây nguồn DC	Kết nối cáp nguồn.
5	Đầu kết nối HDMI	Kết nối cáp HDMI máy tính của bạn.
6	Đầu kết nối DVI	Kết nối cáp DVI máy tính của bạn (mặt hàng tùy chọn).
7	Đầu kết nối VGA	Kết nối cáp VGA máy tính của bạn (mặt hàng tùy chọn).

*Việc sử dụng tai nghe không được hỗ trợ đối với đầu kết nối ngõ ra âm thanh.

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật bản phẳng

Mẫu	S2240T
Loại màn hình	Ma trận chủ động - TFT LCD
Loại bản	VA
Hình ảnh xem được	
Chiều chéo	54,6 cm (21,5 inch)
Chiều ngang, vùng hoạt động	476,64 mm (18,77 inch)
Chiều dọc, vùng hoạt động	268,11 mm (10,56 inch)
Diện tích	127791,95 mm ² (198,08 inch ²)
Cự li điểm ảnh	0,248 x 0,248 mm
Góc nhìn	Điển hình là 178° (chiều dọc) Điển hình là 178° (chiều ngang)
Dẫn xuất độ sáng	Bản nền 280 cd/m ² (điển hình) Màn hình 250 cd/m ² (điển hình)
Tỉ lệ tương phản	3000 trong 1 (điển hình) 8M trong 1 (điển hình khi bật Độ tương phản động)
Lớp phủ bề mặt	Chống chói với độ cứng 3H
Đèn nền	Hệ thống đèn cạnh LED
thời gian đáp ứng	25 ms (điển hình) 12 ms (điển hình) với kỹ thuật gia tốc (overdrive)
Độ sâu màu	16,7 triệu màu
Gam màu	CIE1931 (72%)*

*[S2240T] Gam màu (điển hình) dựa trên tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (84%) và CIE1931 (72%).

Thông số kỹ thuật độ phân giải

Mẫu	S2240T
Phạm vi quét ngang	30 kHz đến 83 kHz (tự động)
Phạm vi quét dọc	56 Hz đến 76 Hz (tự động)
Độ phân giải thiết lập sẵn cao nhất	1920 x 1080 ở 60 Hz

Các kiểu video được hỗ trợ

Mẫu	S2240T
Chức năng hiển thị video (phát lại bằng DVI & HDMI)	480p, 576p, 720p, 1080p

Các kiểu hiển thị thiết lập sẵn

S2240T

Kiểu hiển thị	Tần số ngang (kHz)	Tần số dọc (Hz)	Xung quét điểm ảnh (MHz)	Phân cực đồng bộ (ngang/dọc)
VESA, 720 x 400	31,5	70,1	28,3	-/+
VESA, 640 x 480	31,5	60,0	25,2	-/-
VESA, 640 x 480	37,5	75,0	31,5	-/-
VESA, 800 x 600	37,9	60,3	40,0	+/+
VESA, 800 x 600	46,9	75,0	49,5	+/+
VESA, 1024 x 768	48,4	60,0	65,0	-/-
VESA, 1024 x 768	60,0	75,0	78,8	+/+
VESA, 1152 x 864	67,5	75,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	64,0	60,0	108,0	+/+
VESA, 1280 x 1024	80,0	75,0	135,0	+/+
VESA, 1920 x 1080	67,5	60,0	148,5	+/+

Thông số kĩ thuật điện năng

Mẫu	S2240T
Tín hiệu đầu vào video	<ul style="list-style-type: none">• RGB tuần tự, 0,7 volt +/- 5%, cực dương có trở kháng đầu vào 75 ohm• DVI-D TMDS kĩ thuật số, 600 mV cho từng dòng khác nhau, cực dương có trở kháng đầu vào 50 ohm• HDMI, 600mV cho từng dòng khác nhau, trở kháng đầu vào 100 ohm cho từng cặp khác nhau
Tín hiệu đầu vào đồng bộ hoá	Đồng bộ hoá ngang và dọc tách biệt nhau, mức TTL không cực, SOG

Bộ chuyển đổi AC/DC*	Điện áp/tần số/ dòng điện đầu vào	100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,2 A (điển hình)
	Điện áp/dòng điện đầu ra	Đầu ra: 12 VDC / 3,33 A
Dòng điện kích từ		<ul style="list-style-type: none"> • 120 V: 30 A (tối đa) • 240 V: 60 A (tối đa)

*Bộ chuyển đổi AC/DC tương thích đạt tiêu chuẩn.



THẬN TRỌNG: Để tránh hư hại cho màn hình, chỉ sử dụng bộ chuyển đổi được thiết kế cho màn hình Dell đặc thù này.

Nhà sản xuất	Mẫu	Cực
Delta	ADP-40DD BA	
Lite-On	PA-1041-71TP-LF	

Đặc tính vật lý

Mẫu	S2240T
Loại đầu kết nối	D-sub 15 chân cắm, đầu kết nối xanh lam; DVI-D, đầu kết nối trắng; HDMI, đầu kết nối đen
Loại cáp tín hiệu	<ul style="list-style-type: none"> • Giao diện đa phương tiện độ nét cao: Có thể tháo được, HDMI, 19 chân cắm • Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng: Có thể tháo được, USB, 4 chân cắm
Kích thước (có giá đỡ)	
Chiều cao (mở rộng)	195,4 mm (7,69 inch)
Chiều cao (thu gọn)	382,9 mm (15,07 inch)
Chiều rộng	522,5 mm (20,57 inch)
Chiều sâu (mở rộng)	420,9 mm (16,57 inch)
Chiều sâu (thu gọn)	77,4 mm (3,05 inch)
Kích thước (không có giá đỡ)	
Chiều cao	319,0 mm (12,56 inch)
Chiều rộng	522,5 mm (20,57 inch)
Chiều sâu	41,2 mm (1,62 inch)

Kích thước giá đỡ	
Chiều cao	298,4 mm (11,75 inch)
Chiều rộng	352,0 mm (13,86 inch)
Chiều sâu	77,4 mm (3,05 inch)
Trọng lượng	
Trọng lượng với gói hàng	6,62 kg (14,56 lb)
Trọng lượng với nhóm giá đỡ và cáp	5,53 kg (12,17 lb)
Trọng lượng không có nhóm giá đỡ (Để cân nhắc việc treo tường hoặc dùng giá treo VESA - không cáp)	3,40 kg (7,48 lb)
Trọng lượng của nhóm giá đỡ	1,46 kg (3,21 lb)

Đặc tính môi trường

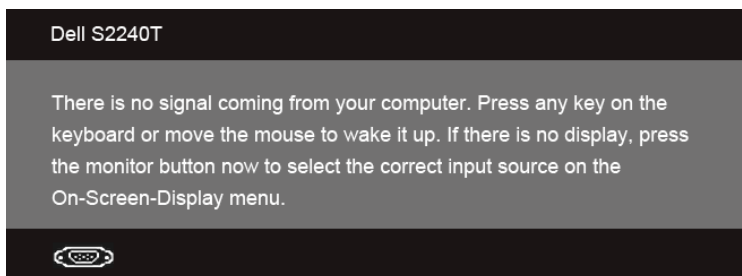
Mẫu	S2240T
Nhiệt độ	
Lúc hoạt động	0 °C đến 40 °C (32 °F đến 104 °F)
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Trong kho: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F) Lúc chuyển hàng: -20 °C đến 60 °C (-4 °F đến 140 °F)
Độ ẩm	
Lúc hoạt động	10% đến 80% (không ngưng tụ)
Lúc không hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> Trong kho: 5% đến 90% (không ngưng tụ) Lúc chuyển hàng: 5% đến 90% (không ngưng tụ)
Độ cao trên mực nước biển	
Lúc hoạt động	5.000m (16.400 ft) (tối đa)
Lúc không hoạt động	12.192 m (40.000 ft) (tối đa)
Tần nhiệt	
	<ul style="list-style-type: none"> 102,3 BTU/giờ (tối đa) 62,8 BTU/giờ (điển hình)

Chế độ quản lý điện năng

Nếu bạn có thể đồ họa hay phần mềm đồ họa tuân thủ DPM™ của VESA, màn hình có thể tự động giảm mức tiêu thụ điện năng khi không được sử dụng. Chức năng này được đề cập như *Chế độ tiết kiệm điện năng**. Nếu máy tính phát hiện thông tin vào từ bàn phím, chuột hay từ các thiết bị đầu vào khác, thì màn hình tự động chạy trở lại. Bảng sau cho thấy mức tiêu thụ điện năng và tín hiệu của tính năng tự động tiết kiệm điện năng này.

Chế độ VESA	Đồng bộ ngang	Đồng bộ dọc	Video	Chỉ báo nguồn	Mức tiêu thụ điện năng
Hoạt động bình thường	Đang chạy	Đang chạy	Đang chạy	Trắng	30 W (tối đa) ** 20 W (điển hình)
Chế độ Ngưng chạy	Ngưng chạy	Ngưng chạy	Trống	Trắng (đang nhấp nháy)	ít hơn 0,5 W
Tắt màn hình	-	-	-	Tắt	ít hơn 0,5 W

OSD chỉ chạy ở chế độ hoạt động bình thường. Khi bất kỳ nút nào được nhấn trong chế độ chờ, thông báo sau sẽ được hiển thị:



Kích hoạt máy tính và màn hình để có quyền truy cập OSD.



LƯU Ý: Màn hình này tuân thủ theo **ENERGY STAR®**.



* Không tiêu thụ điện năng ở chế độ TẮT chỉ có thể có được khi ngắt kết nối cáp chính ra khỏi màn hình.

** Tiêu thụ điện năng tối đa với độ sáng tối đa, và USB đang hoạt động.

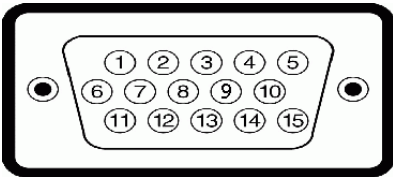
Thông số kỹ thuật cảm ứng

Mục	Nội dung
Loại	Hệ thống điện dung chiếu
Chiều chéo bản nền	21,5 inch
Độ dày bản nền	2,4 ± 0,2 mm
Vùng hoạt động	482,2 x 272,9 mở rộng bên ngoài vùng xem được
Độ dày ngăn xếp cảm biến	1,1 mm

Độ dày lớp phủ thủy tinh	1,1 +/- 0,2 mm
Phương thức nhập tín hiệu	Ngón tay trần, găng tay mỏng, bút cảm ứng
Điểm cảm ứng	10 điểm cảm ứng
thời gian đáp ứng	25 ms
Độ phân giải vị trí đầu ra	25 PPI (tối thiểu)
Phương thức cảm ứng	Ngón tay và găng tay mỏng
HỖ trợ HĐH	Windows® 8.1 được chứng nhận và Windows® 10 được chứng nhận (Màn hình bản sửa đổi A06 trở về sau)

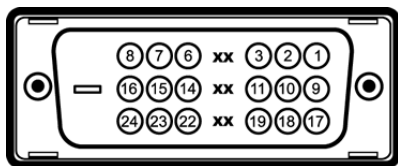
Chỉ định chân cắm

Đầu kết nối VGA



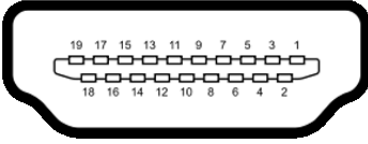
Số của chân	Mặt 15 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	Video-Đỏ
2	Video-Lục
3	Video-Lam
4	NỐI ĐẤT
5	Tự kiểm thử
6	NỐI ĐẤT - ĐỎ
7	NỐI ĐẤT - LỤC
8	NỐI ĐẤT - LAM
9	Máy tính 5 V/3,3 V
10	Đồng bộ GND
11	NỐI ĐẤT
12	Dữ liệu DDC
13	Đồng bộ ngang
14	Đồng bộ dọc
15	Xung DDC

Đầu kết nối DVI



Số của chân	Mặt 24 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	TMDS RX2-
2	TMDS RX2+
3	TMDS nối đất
4	Di động
5	Di động
6	Xung DDC
7	Dữ liệu DDC
8	Di động
9	TMDS RX1-
10	TMDS RX1+
11	TMDS nối đất
12	Di động
13	Di động
14	Nguồn +5 V/+3,3 V
15	Tự kiểm thử
16	Phát hiện cắm-rút
17	TMDS RX0-
18	TMDS RX0+
19	TMDS nối đất
20	Di động
21	Di động
22	TMDS nối đất
23	XUNG + TMDS
24	XUNG - TMDS

Đầu kết nối HDMI



Số của chân	Mặt 19 chân của cáp tín hiệu kết nối
1	DỮ LIỆU 2+ TMDS
2	KHIẾN CHẶN DỮ LIỆU 2 TMDS
3	DỮ LIỆU 2- TMDS
4	DỮ LIỆU 1+ TMDS
5	KHIẾN CHẶN DỮ LIỆU 1 TMDS
6	DỮ LIỆU 1- TMDS
7	DỮ LIỆU 0+ TMDS
8	KHIẾN CHẶN DỮ LIỆU 0 TMDS
9	DỮ LIỆU 0- TMDS
10	XUNG + TMDS
11	KHIẾN CHẶN XUNG TMDS
12	XUNG - TMDS
13	CEC
14	Dự trữ (N.C. trên thiết bị)
15	XUNG DDC (SCL)
16	DỮ LIỆU DDC (SDA)
17	DDC/CEC nối đất
18	NGUỒN +5V
19	PHÁT HIỆN CẮM-RÚT

Chức năng Cắm và Chạy

Bạn có thể cài đặt màn hình này vào bất kỳ hệ thống nào tương thích chức năng Cắm và Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ liệu nhận dạng hiển thị mở rộng (EDID) bằng các giao thức Kênh dữ liệu hiển thị (DDC) để các hệ thống có thể tự thiết lập chính mình và tối ưu hóa các thiết đặt màn hình. Hầu hết việc cài đặt màn hình đều tự động, bạn có thể chọn những thiết đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi thiết đặt màn hình, hãy xem [Vận hành màn hình](#).

Giao diện của Bộ truyền dẫn tuần tự đa dụng (USB)

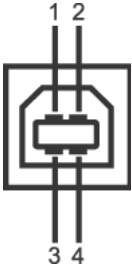
Phần này cho bạn thông tin về các cổng USB sẵn dùng cho màn hình này.



LƯU Ý: Màn hình này hỗ trợ giao diện USB 2.0 được chứng nhận tốc độ cao.

Tốc độ truyền	Mức truyền dữ liệu	Mức tiêu thụ điện năng
Tốc độ cao	480 Mbps	2,5 W (tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ hết mức	12 Mbps	2,5 W (tối đa, mỗi cổng)
Tốc độ thấp	1,5 Mbps	2,5 W (tối đa, mỗi cổng)

Đầu kết nối USB ngược tuyến (upstream)



Số của chân	Mặt 4 chân của đầu kết nối
1	DMU
2	VCC
3	DPU
4	NỐI ĐẤT

Cổng USB

- 1 ngược tuyến (upstream) - phía sau



LƯU Ý: Chức năng USB 2.0 yêu cầu một máy tính hỗ trợ USB 2.0.



LƯU Ý: Giao diện USB của màn hình chỉ hoạt động khi màn hình được bật hoặc đang ở chế độ tiết kiệm điện năng.

Chất lượng màn hình LCD và chính sách điểm ảnh

Trong suốt quy trình sản xuất màn hình LCD, thường thì một hay nhiều điểm ảnh sẽ nằm cố định ở một trạng thái không thay đổi mà rất khó thấy và không gây tác động đến chất lượng hiển thị hay tính sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: support.dell.com.

Hướng dẫn bảo trì

Lau màn hình



THẬN TRỌNG: Đọc và làm theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi lau màn hình.



CẢNH BÁO: Trước khi lau màn hình, hãy rút dây cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ cắm điện.

Để biết được cách thực hiện tốt nhất, hãy làm theo các chỉ dẫn trong danh sách dưới đây khi mở gói hàng, lau chùi, hoặc khi cắm màn hình:

- Để lau màn hình cảm ứng, hơi thấm ướt miếng vải mềm sạch với nước. Nếu được, hãy dùng khăn giấy hoặc dung dịch đặc biệt phù hợp với lớp phủ tĩnh điện để lau màn hình. Không dùng benzene, chất pha loãng, ammonia, chất tẩy rửa có hạt, hay khí nén.
- Hãy dùng miếng vải ẩm, hơi thấm ướt để lau màn hình. Tránh dùng bất kỳ loại bột giặt nào do một số bột giặt sẽ để lại lớp màng trắng sữa trên màn hình.
- Nếu bạn để ý thấy bột trắng khi mở lấy màn hình ra, thì hãy dùng miếng vải lau sạch nó.
- Cắm màn hình cẩn thận do màn hình màu tối có thể bị trầy và để để lại các vết xước trắng hơn so với màn hình màu sáng.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, hãy dùng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động và tắt màn hình khi không dùng tới.

2

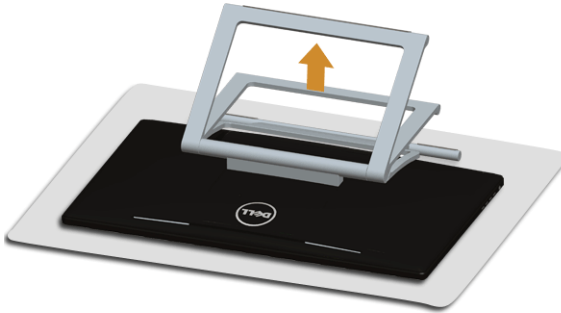
Lắp đặt màn hình

Chuẩn bị giá đỡ



LƯU Ý: Giá đỡ được gắn sẵn khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

- Đặt màn hình trên miếng vải hay miếng đệm mềm.
- Kéo tay càng giá đỡ lên hướng ra ngoài màn hình.
- Đặt màn hình thẳng đứng lên.



Kết nối màn hình



CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).



LƯU Ý: Cáp VGA/DVI có thể mua riêng.

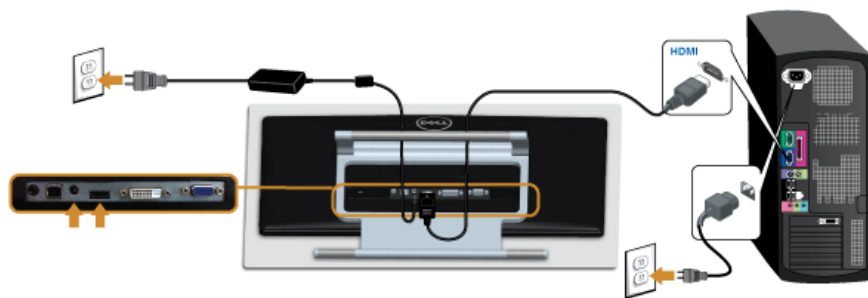


LƯU Ý: Không được kết nối tất cả các dây cáp vào máy tính cùng một lúc.

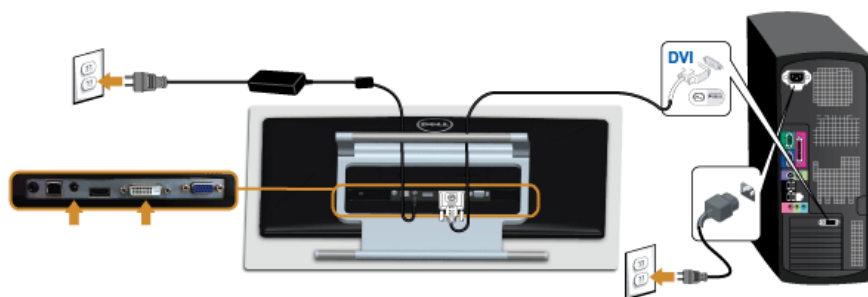
Để kết nối màn hình vào máy tính:

- Tắt máy tính và ngắt kết nối dây cáp nguồn.
Kết nối dây cáp HDMI/DVI/VGA từ màn hình vào máy tính.


Kết nối dây cáp HDMI

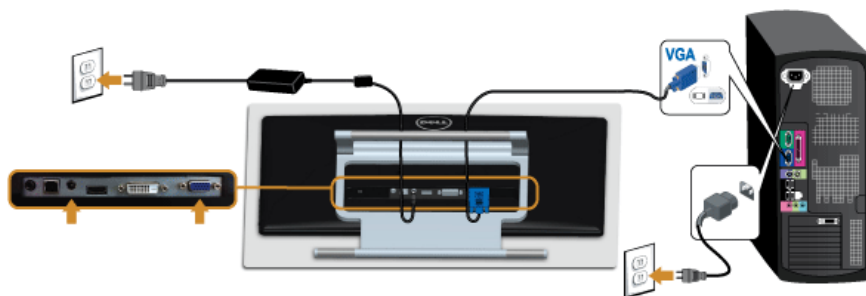



Kết nối cáp DVI trắng



Kết nối dây cáp VGA xanh lam

 Dùng tua-vít để vặn chặt cáp VGA.

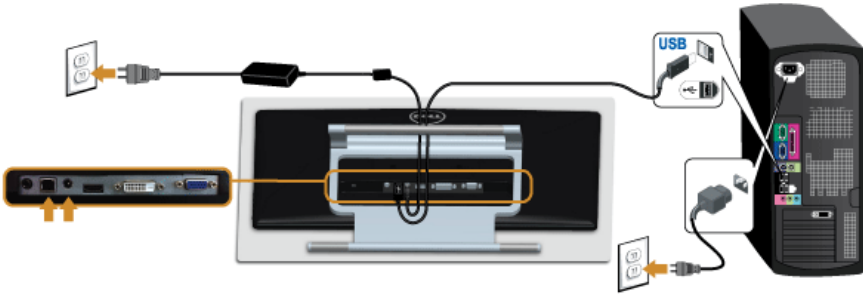


 **THẬN TRỌNG:** Hình ảnh chỉ dùng cho mục đích minh họa. Hình dáng của máy tính có thể khác.

Kết nối cáp USB

Sau khi hoàn tất kết nối cáp DVI/VGA/HDMI, hãy làm theo quy trình bên dưới để kết nối cáp USB với máy tính và hoàn tất việc lắp đặt màn hình:

1. Kết nối cổng USB ngược tuyến (cáp được cấp) với cổng USB thích hợp trên máy tính bạn. (Xem [Góc nhìn mặt dưới](#) để biết chi tiết.)
2. Cắm cáp nguồn máy tính và màn hình vào ổ điện gần đó.
3. Bật màn hình và máy tính.
Khi kết nối cáp USB hoàn tất, nếu chức năng cảm ứng không hoạt động, hãy xem [Vấn đề cảm ứng](#).
4. Sử dụng khe luồn cáp trên giá đỡ màn hình để sắp xếp dây cáp.





Sắp xếp dây cáp



Sau khi gắn tất cả dây cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem [Kết nối màn hình](#) để biết cách gắn cáp,) hãy sắp xếp tất cả dây cáp như minh họa bên trên.

Gỡ giá đỡ màn hình

-  **LƯU Ý:** Để tránh trầy xước trên màn hình LCD khi gỡ bỏ giá đỡ, hãy đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt mềm, sạch sẽ.
-  **LƯU Ý:** Chức năng này thích hợp cho màn hình có giá đỡ. Khi mua bất kì giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng đó để biết các chỉ dẫn lắp đặt.

Để gỡ giá đỡ:

1. Đặt màn hình trên miếng vải hay miếng đệm mềm.
2. Tháo lỏng hai con ốc đang cố định miếng đệm vào màn hình.
3. Nâng giá đỡ lên cao ra khỏi màn hình.



Treo tường (tuỳ chọn)

Tham khảo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích với VESA.

1. Đặt bản nền màn hình lên miếng vải hay miếng đệm mềm trên chiếc bàn cố định, phẳng.
2. Gỡ giá đỡ.



(Kích thước ốc: M4 x 10 mm).

3. Lấy giá treo từ bộ treo tường và gắn vào màn hình.
4. Treo màn hình lên tường theo các chỉ dẫn đi kèm với bộ treo tường.



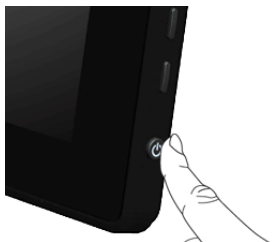
LƯU Ý: Chỉ dùng với giá treo được UL liệt kê với trọng lượng/tải trọng tối thiểu chịu được 5,88 kg.

3

Vận hành màn hình

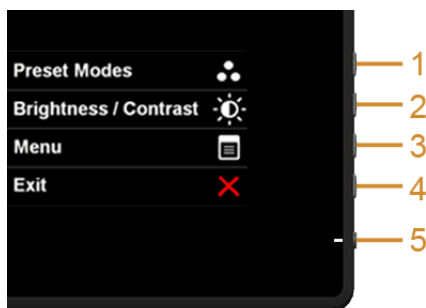
Bật nguồn màn hình

Bấm nút  để bật màn hình.








Sử dụng Bộ điều khiển mặt bên

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt bên màn hình để điều chỉnh các đặc tính của hình ảnh hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh các điều khiển, OSD sẽ hiện các giá trị số của những đặc tính khi chúng thay đổi.



Bảng sau mô tả các nút ở mặt bên:





Nút điều khiển mặt bên	Mô tả
1  Phím tắt/Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)	Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu thiết lập sẵn.
2  Phím tắt/Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)	Sử dụng nút này để trực tiếp truy cập menu Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) .

3		Sử dụng nút MENU để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu .
	Menu	
4		Sử dụng nút này để trở lại menu chính hoặc để thoát khỏi menu chính của OSD.
	Thoát	
5		Sử dụng nút Nguồn để Bật và Tắt màn hình. Đèn trắng cho biết màn hình đang Bật và hoạt động bình thường. Đèn trắng nhấp nháy cho biết màn hình ở chế độ tiết kiệm điện.
	Nguồn (với chỉ báo đèn nguồn)	

Nút điều khiển mặt bên

Sử dụng các nút ở mặt bên màn hình để điều chỉnh các thiết đặt hình ảnh.




Nút điều khiển mặt bên	Mô tả
1  Tăng	Sử dụng nút Tăng để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD.
2  Giảm	Sử dụng nút Giảm để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD.
3  OK	Sử dụng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn.
4  Quay lại	Sử dụng nút Quay lại để trở lại menu trước đó.

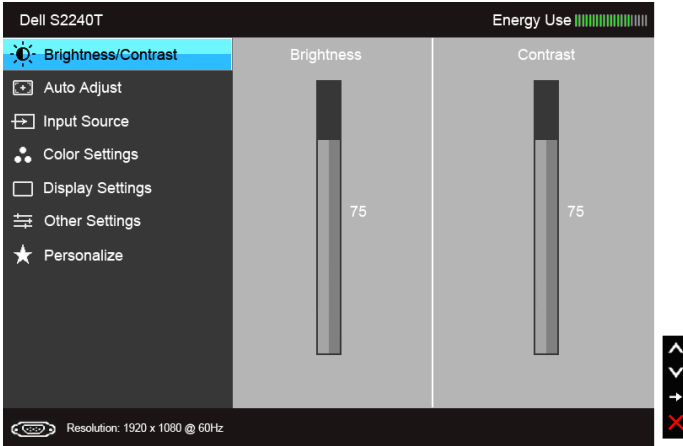
Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình (OSD)

Truy cập hệ thống menu

LƯU Ý: Nếu bạn thay đổi thiết đặt này và sau đó đi vào menu khác hoặc thoát khỏi menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu các thay đổi đó. Những thay đổi này cũng được lưu nếu bạn thay đổi các thiết đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.

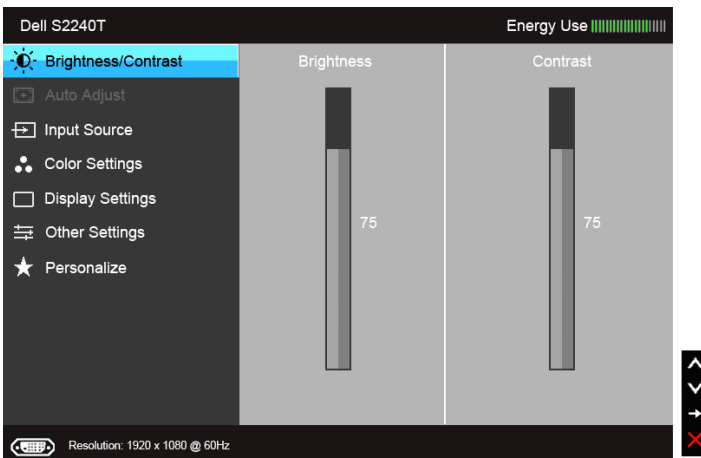
1. Bấm nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.

Menu chính cho đầu vào tuần tự (VGA)



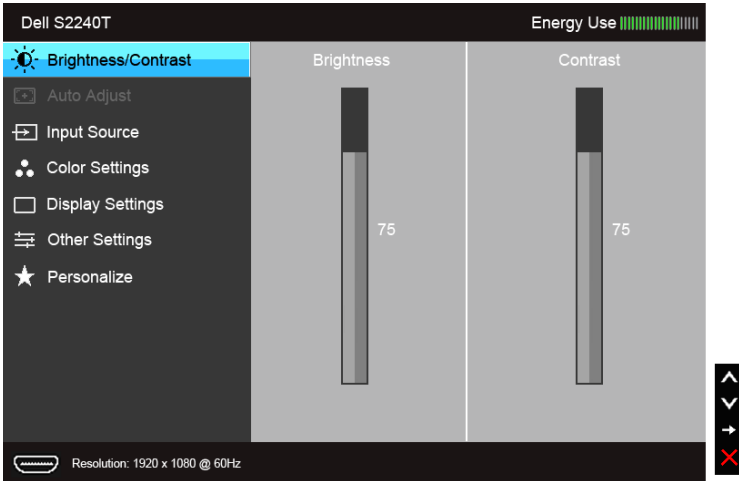
hoặc

Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (DVI)












hoặc

Menu chính cho đầu vào kỹ thuật số (HDMI)



LƯU Ý: Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) chỉ sẵn có khi bạn dùng đầu kết nối tuần tự (VGA).

2. Bấm nút  và  để di chuyển qua lại giữa các tùy chọn thiết đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng kia, tên tùy chọn sẽ được tô sáng. Xem bảng sau để thấy danh sách hoàn chỉnh của tất cả các tùy chọn sẵn có đối với màn hình này.
3. Bấm nút  sau khi kích hoạt tùy chọn được tô sáng.
4. Bấm nút  và  để chọn các thông số mong muốn.
5. Bấm  để vào thanh trượt và sau đó sử dụng nút  và , theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.
6. Chọn nút  để quay lại menu chính.

Biểu tượng

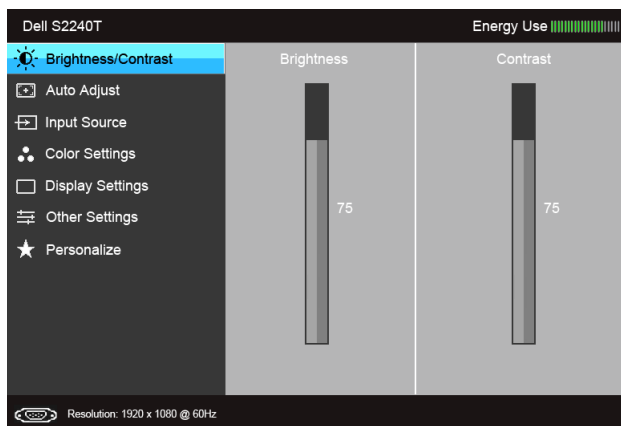
Menu và các menu con

Mô tả



Brightness/Contrast
(Độ sáng/Độ tương phản)

Sử dụng menu này để kích hoạt phần điều chỉnh **Brightness/Contrast** (Độ sáng/Độ tương phản).



Brightness
(Độ sáng)

Brightness (Độ sáng) điều chỉnh mức sáng của đèn nền.

Bấm nút để tăng độ sáng và bấm nút để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).

LƯU Ý: Phần điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)** theo cách thủ công sẽ bị vô hiệu hoá khi bật **Energy Smart (Năng lượng thông minh)** và **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)**.

Contrast
(Độ tương phản)

Điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)** trước tiên, và sau đó điều chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi nào cần điều chỉnh thêm.

Bấm nút để tăng độ tương phản và bấm nút để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).

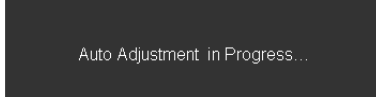
Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** điều chỉnh mức chênh lệch giữa tối và sáng trên màn hình.



Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)

Cho dù máy tính bạn nhận ra màn hình lúc khởi động, nhưng chức năng **Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)** sẽ tối ưu hoá thiết đặt hiển thị để sử dụng với thiết lập riêng của bạn.

Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động) cho phép màn hình tự điều chỉnh để phù hợp với tín hiệu video đi vào. Sau khi sử dụng **Auto Adjustment (Điều chỉnh tự động)**, bạn có thể chỉnh thêm màn hình của mình bằng cách sử dụng điều khiển **Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)** (thô) và **Phase (Pha)** (mịn) ở trong **Display Settings (Thiết đặt hiển thị)**.



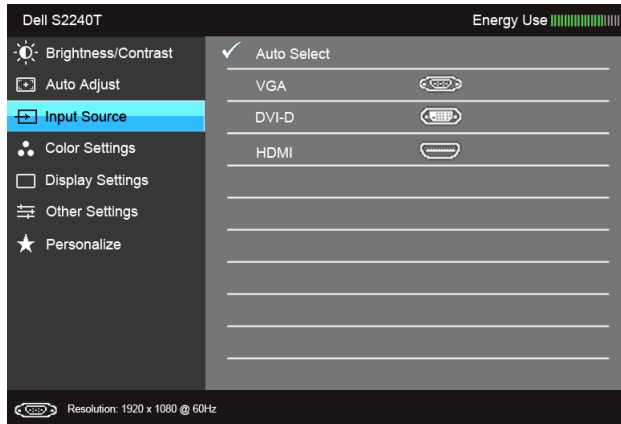
LƯU Ý: Trong hầu hết trường hợp, **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** sẽ tạo ra hình ảnh tốt nhất cho cấu hình của bạn.

LƯU Ý: Tùy chọn **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** chỉ sẵn có khi bạn dùng đầu kết nối tuần tự (VGA).



Input Source (Nguồn đầu vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn đầu vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối vào màn hình.



Auto Select (Chọn tự động)

Bấm **→** để chọn **Auto Select (Chọn tự động)**, màn hình sẽ quét tìm những nguồn đầu vào sẵn có.



VGA

Chọn đầu vào **VGA** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối tuần tự (VGA). Bấm **→** để chọn nguồn đầu vào VGA.



DVI-D

Chọn đầu vào **DVI-D** khi bạn sử dụng đầu kết nối kĩ thuật số (DVI). Bấm **→** để chọn nguồn đầu vào DVI.



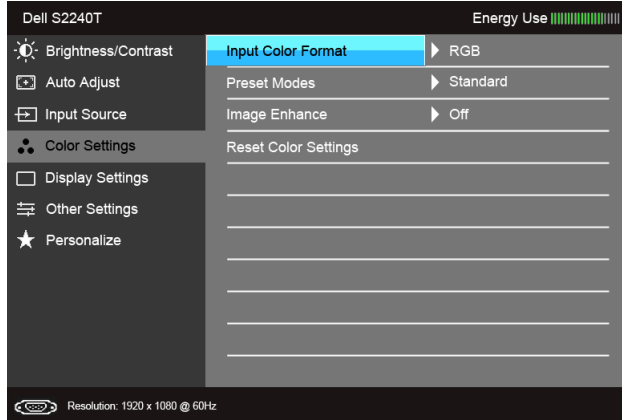
HDMI

Chọn đầu vào **HDMI** khi bạn đang sử dụng đầu kết nối HDMI. Bấm **→** để chọn nguồn đầu vào HDMI.



Color Settings (Thiết đặt màu sắc)

Sử dụng menu **Color Settings (Thiết đặt màu sắc)** để điều chỉnh chế độ thiết đặt màu.

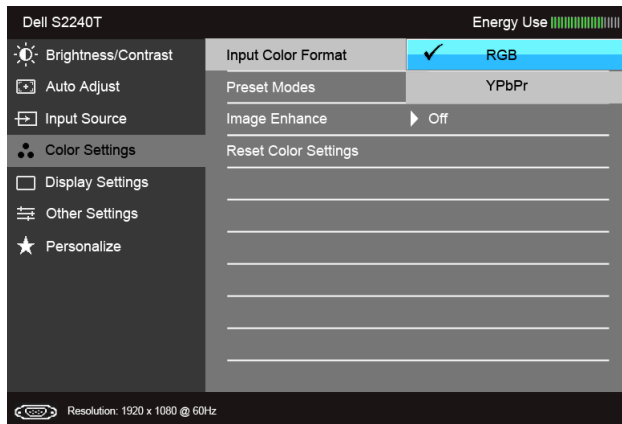


Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào)

Cho phép bạn thiết đặt chế độ đầu vào video thành:



RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình kết nối với máy tính hay với đầu đọc DVD bằng cáp VGA và DVI.

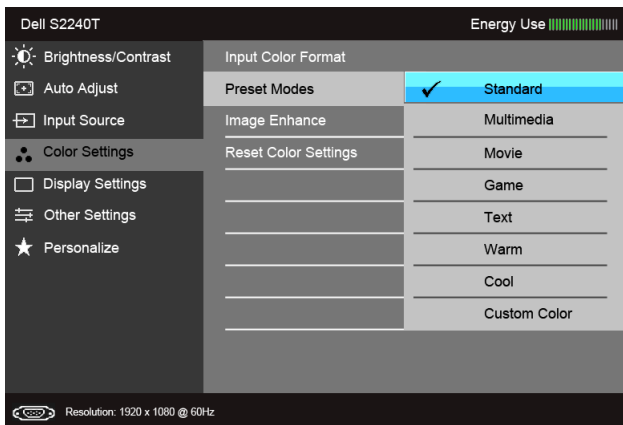
YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu màn hình kết nối với đầu đọc DVD bằng cáp YPbPr sang VGA, hoặc cáp YPbPr sang DVI; hoặc nếu thiết đặt đầu ra màu sắc của DVD không ở dạng RGB.






Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)


Khi bạn chọn **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, bạn có thể chọn **Standard (Tiêu chuẩn chuẩn)**, **Multimedia (Đa phương tiện)**, **Movie (Phim ảnh)**, **Game, Text (Văn bản)**, **Warm (Ấm)**, **Cool (Mát)**, hay **Custom Color (Màu tùy chỉnh)** từ danh sách này.

- **Standard (Tiêu chuẩn)**: Nạp vào thiết đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ thiết lập sẵn mặc định.
- **Multimedia (Đa phương tiện)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện.
- **Movie (Phim ảnh)**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho phim ảnh.
- **Game**: Nạp vào thiết đặt màu lí tưởng cho hầu hết các ứng dụng game.
- **Text (Văn bản)**: Nạp vào thiết đặt độ sáng và độ sắc nét lí tưởng cho việc xem văn bản.
- **Warm (Ấm)**: Tăng nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên ấm hơn với sắc thái đỏ/vàng.
- **Cool (Mát)**: Giảm nhiệt độ màu. Màn hình sẽ trở nên mát hơn với sắc thái xanh lam.
- **Custom Color (Màu tùy chỉnh)**: Cho phép bạn điều chỉnh thủ công các thiết đặt màu. Bấm nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra kiểu màu thiết lập sẵn của riêng bạn.







Hue (Sắc độ) Tính năng này có thể chuyển màu của hình ảnh video sang xanh lục hay tím. Tính năng này được dùng để điều chỉnh màu mong muốn theo tông màu da. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh sắc độ từ '0' đến '100'.

Bấm  để tăng sắc xanh lục của hình ảnh video.

Bấm  để tăng sắc tím của hình ảnh video.

LƯU Ý: Điều chỉnh **Hue (Sắc độ)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game**.

Saturation (Độ bão hoà) Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hoà màu sắc của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ bão hoà từ '0' đến '100'.
Bấm  để tăng diện mạo đơn sắc của hình ảnh video.
Bấm  để tăng diện mạo màu sắc của hình ảnh video.
LƯU Ý: Điều chỉnh **Saturation (Độ bão hoà)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** hoặc **Game**.



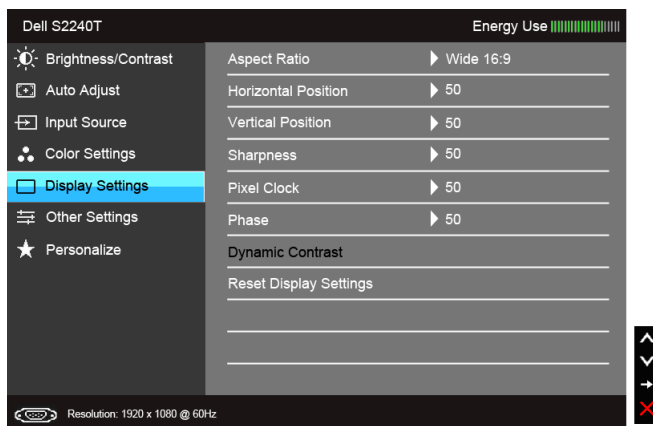
Demo Mode (Chế độ minh họa) Chia màn hình thành hai để xem song song hình ảnh ở chế độ bình thường và ở chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)** dạng cải tiến. Bạn cũng có thể đồng thời bấm  và  để bật/tắt chế độ này.
LƯU Ý: **Demo Mode (Chế độ minh họa)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Movie (Phim ảnh)**.

Image Enhance (Cải tiến hình ảnh) Chất lượng của hình ảnh tăng kích cỡ sẽ được cải thiện tốt hơn bằng cách loại bỏ vệt mờ ảnh và các cạnh thô ráp.
LƯU Ý: **Image Enhance (Cải tiến hình ảnh)** chỉ sẵn có khi bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Standard (Tiêu chuẩn)**, **Multimedia (Đa phương tiện)**, **Movie (Phim ảnh)**, hoặc **Game**.



Reset Color Settings (Cài lại thiết đặt màu) Cài lại thiết đặt màu của màn hình về thiết đặt xuất xưởng.



 **Display Settings (Thiết đặt hiển thị)**



Sử dụng **Display Settings (Thiết đặt hiển thị)** để điều chỉnh hình ảnh.





Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình) Điều chỉnh tỉ lệ hình ảnh thành **Wide (Rộng) 16:9**, **4:3**, hoặc **5:4**.


Horizontal Position (Vị trí phương ngang) Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh sang trái hoặc phải. Tối thiểu là '0' (-).
Tối đa là '100' (+).

Vertical Position (Vị trí phương dọc) Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh hình ảnh lên hoặc xuống. Tối thiểu là '0' (-).
Tối đa là '100' (+).
LƯU Ý: Điều chỉnh **Horizontal Position (Vị trí phương ngang)** và **Vertical Position (Vị trí phương dọc)** chỉ sẵn có cho đầu vào "VGA".

Sharpness (Độ sắc nét) Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn.
Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) Điều chỉnh **Phase (Pha)** và **Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)** cho phép bạn điều chỉnh màn hình theo ý thích của mình.
Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh cho chất lượng hình ảnh tốt nhất.

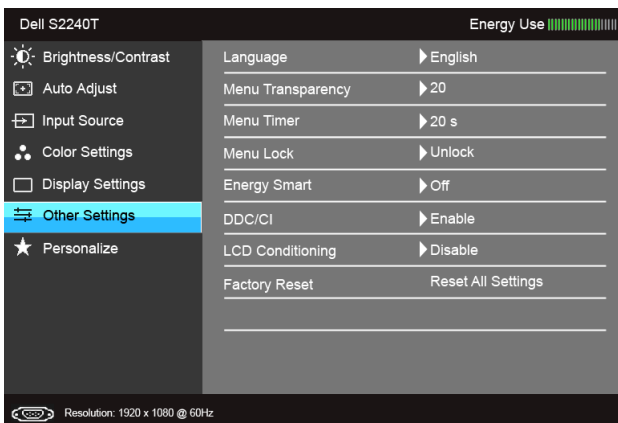
Phase (Pha) Nếu không có được kết quả thoả mãn bằng điều chỉnh **Phase (Pha)**, hãy sử dụng điều chỉnh **Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)** (thô) và sau đó sử dụng lại **Phase (Pha)** (mịn).
LƯU Ý: Điều chỉnh **Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh)** và **Phase (Pha)** chỉ sẵn có đối với đầu vào "VGA".





Dynamic Contrast (Độ tương phản động) Cho phép bạn tăng mức tương phản nhằm mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét hơn và chi tiết hơn.
Bấm nút  để chọn **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** "Mờ" hoặc "Tắt".
LƯU Ý: **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** mang lại độ tương phản cao hơn nếu bạn chọn chế độ thiết lập sẵn **Game** hoặc **Movie (Phim ảnh)**.

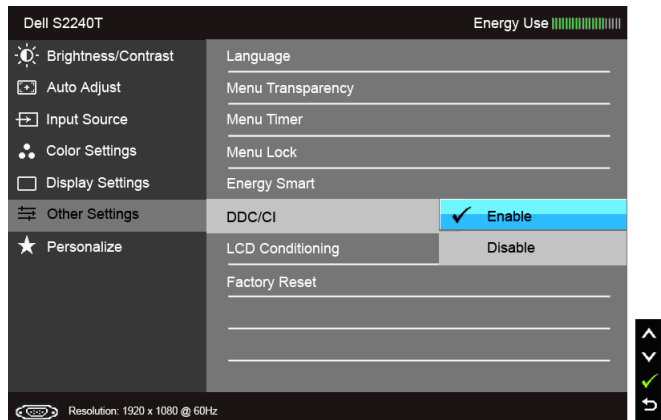
Reset Display Settings (Cài lại thiết đặt hiển thị) Chọn tùy chọn này để khôi phục thiết đặt hiển thị mặc định.



Other Settings (Thiết đặt khác) Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các thiết đặt của OSD, chẳng hạn ngôn ngữ của OSD, lượng thời gian hiện menu trên màn hình, v.v.

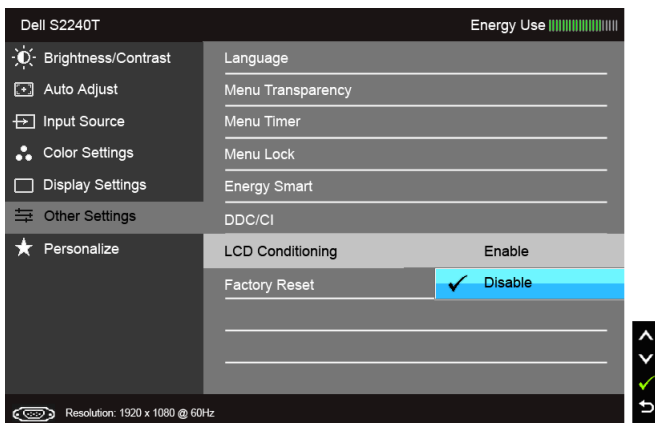


Language (Ngôn ngữ)	Tùy chọn Language (Ngôn ngữ) thiết đặt hiển thị OSD theo một trong sáu ngôn ngữ (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, tiếng Trung giản thể, hoặc Nhật).
Menu Transparency (Độ trong suốt của menu)	Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách bấm nút  và  (Tối thiểu: 0 ~ Tối đa: 100).
Menu Timer (Bộ định giờ menu)	OSD Hold Time (Thời gian duy trì OSD): thiết đặt khoảng thời gian mà OSD vẫn hoạt động sau lần cuối cùng bấm một nút nào đó. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt theo mức tăng giảm 1 giây, từ 5 đến 60 giây.
Menu Lock (Khoá menu)	Kiểm soát truy cập của người dùng vào những phần điều chỉnh. Khi chọn Lock (Khoá) , người dùng sẽ không được phép điều chỉnh. Tất cả các nút đã bị khoá. LƯU Ý: Chức năng Lock (Khoá) – Khoá mềm (thông qua menu OSD) hay khoá cứng (bấm và giữ nút bên trên nút nguồn trong 10 giây) Chức năng Unlock (Mở khoá) – Chỉ có mở khoá cứng (bấm và giữ nút bên trên nút nguồn trong 10 giây)
Energy Smart (Năng lượng thông minh)	Để bật và tắt chức năng làm tối linh động. Tính năng làm tối linh động sẽ tự động giảm mức sáng màn hình khi hình ảnh hiển thị có các khu vực sáng chiếm tỉ lệ cao.
DDC/CI	DDC/CI (Kênh dữ liệu hiển thị/Giao diện dòng lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số của màn hình (độ sáng, cân bằng màu, v.v.) thông qua phần mềm trên máy tính. Bạn có thể vô hiệu hoá tính năng này bằng cách chọn Disable (Vô hiệu hoá) . Bật tính năng này để có được trải nghiệm người dùng tốt nhất và hiệu năng tối ưu cho màn hình.



LCD Conditioning (Điều hoà LCD)

Giúp giảm bớt các trường hợp mắc lỗi lưu ảnh không đáng kể. Tùy thuộc vào mức độ lỗi lưu ảnh, việc chạy chương trình này có thể mất chút thời gian. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Enable (Bật)**.



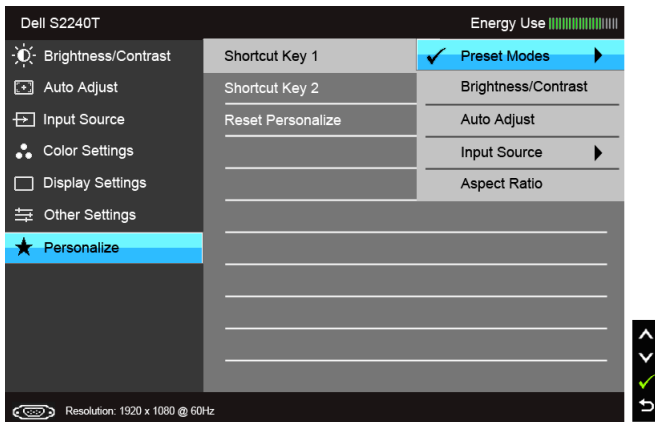
Factory Reset (Cài lại về thiết đặt xuất xưởng)

Cài lại tất cả các thiết đặt OSD về giá trị thiết lập sẵn lúc xuất xưởng.



Personalize (Cá nhân hoá)

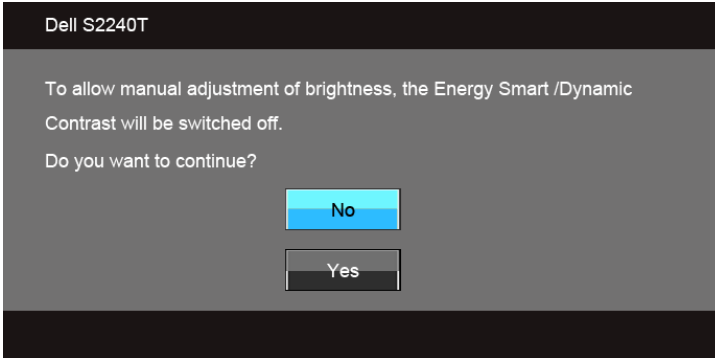
Người dùng có thể chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế độ thiết lập sẵn)**, **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)**, **Input Source (Nguồn đầu vào)**, **Aspect Ratio (Tỉ lệ khung hình)** và đặt tính năng đó làm phím tắt.



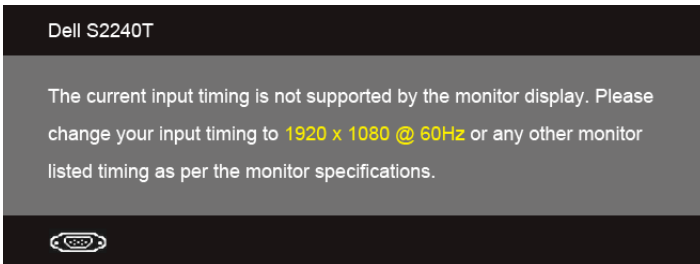
LƯU Ý: Màn hình này có một tính năng tích hợp để tự động định cỡ cho độ sáng nhằm bù đắp cho việc lão hoá đèn LED.

Thông điệp cảnh báo của OSD

Khi bật tính năng **Energy Smart (Năng lượng thông minh)** hoặc **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** (trong những chế độ thiết lập sẵn này: **Game** hoặc **Movie (Phim ảnh)**), phần điều chỉnh độ sáng theo cách thủ công sẽ bị vô hiệu hoá.

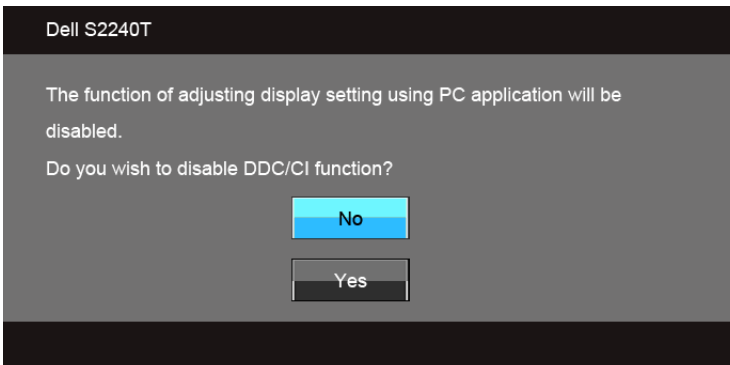


Khi màn hình không hỗ trợ một kiểu độ phân giải đặc biệt nào đó, bạn sẽ thấy thông điệp sau:

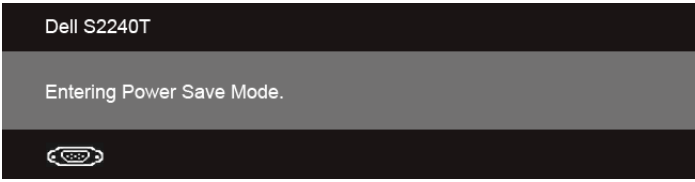


Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ hoá với tín hiệu mà nó đang nhận từ máy tính. Xem [Thông số kĩ thuật màn hình](#) để biết phạm vi tần số Ngang và Dọc được màn hình xử lí. Kiểu đề xuất là 1920 x 1080.

Bạn sẽ thấy thông điệp sau trước khi vô hiệu hoá chức năng DDC/CI:



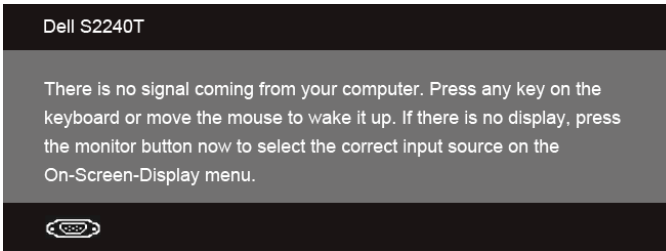
Khi màn hình đi vào chế độ **Power Save (Tiết kiệm điện năng)**, thông điệp sau sẽ xuất hiện:



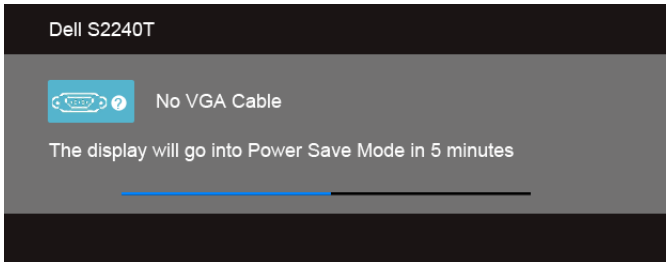
Kích hoạt máy tính và đánh thức màn hình để có thể truy cập [Sử dụng menu Hiển thị trên màn hình \(OSD\)](#).

Nếu bạn bấm bất kì nút nào thay vì nút nguồn, một trong những thông điệp sau sẽ xuất hiện tùy thuộc đầu vào được chọn:

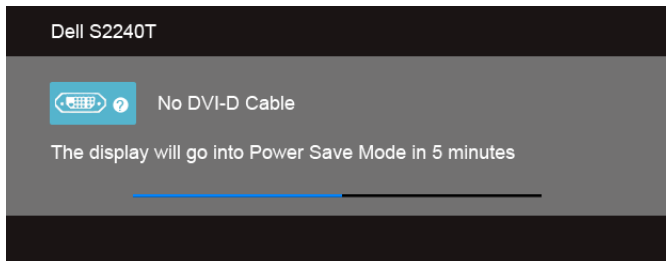
Đầu vào VGA/DVI-D/HDMI



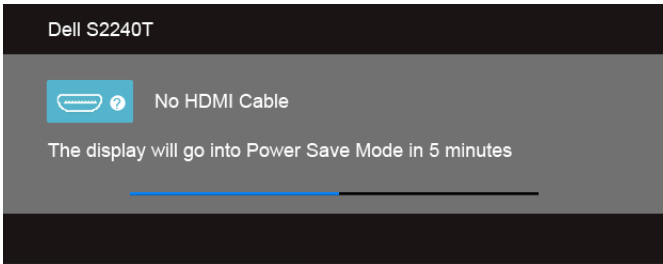
Nếu đầu vào VGA, DVI-D hoặc HDMI được chọn và cáp tương ứng không kết nối, thì sẽ xuất hiện một hộp thoại nổi lên như minh họa bên dưới.



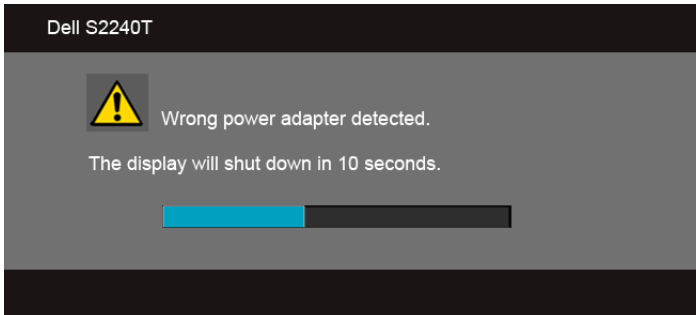
hoặc



hoặc



Khuyến nghị bạn nên dùng bộ chuyển đổi nguồn được cung cấp. Nếu không, bạn sẽ thấy thông điệp như minh họa bên dưới.



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Thiết đặt độ phân giải tối đa

Để thiết đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows[®] 7, Windows[®] 8 và Windows[®] 8.1:

1. Riêng với Windows[®] 8 và Windows[®] 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấn **OK**.

Trong Windows[®] 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu không thấy tùy chọn 1920 x 1080, có thể bạn cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa. Tùy vào máy tính của bạn, hãy hoàn tất một trong những thủ tục sau:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell:

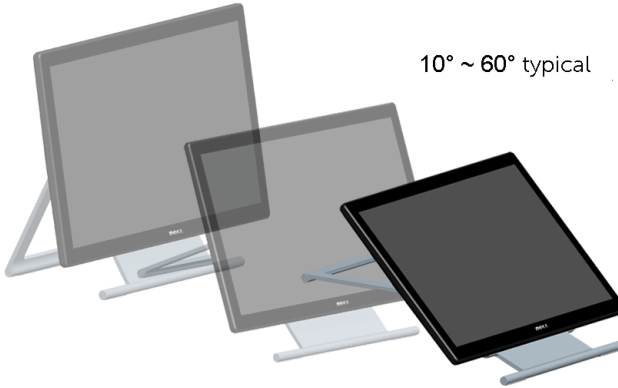
- Truy cập **support.dell.com**, nhập thẻ dịch vụ và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.

Nếu bạn sử dụng máy tính không phải của Dell (di động hoặc để bàn):

- Hãy ghé trang hỗ trợ dành cho máy tính đó và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Hãy ghé trang web của thẻ đồ họa trong máy và tải về trình điều khiển đồ họa mới nhất.

Vận dụng chức năng nghiêng để dùng cảm ứng

Với giá đỡ tích hợp, bạn có thể nghiêng màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



LƯU Ý: Giá đỡ được gắn sẵn khi màn hình được chuyển đi từ nhà máy.

4

Khắc phục sự cố



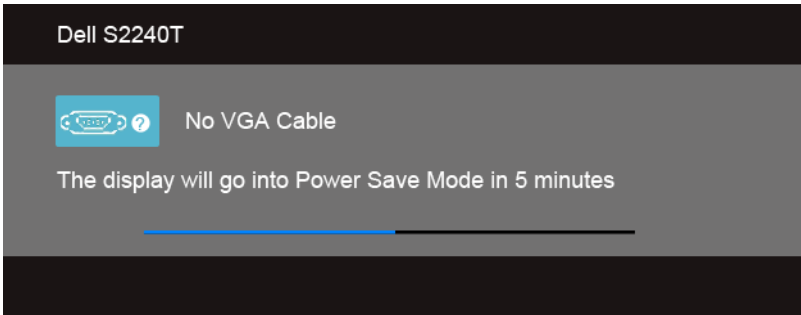
CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

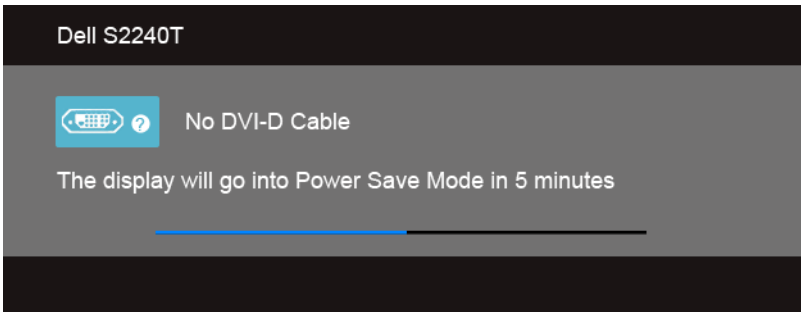
Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của mình có đang hoạt động đúng hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tính năng tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính lẫn màn hình.
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính. Để đảm bảo Tự kiểm tra hoạt động đúng, hãy tháo tất cả các cáp Kỹ thuật số (đầu kết nối trắng) và Tuần tự (đầu kết nối xanh lam) khỏi phần sau máy tính.
3. Bật màn hình.

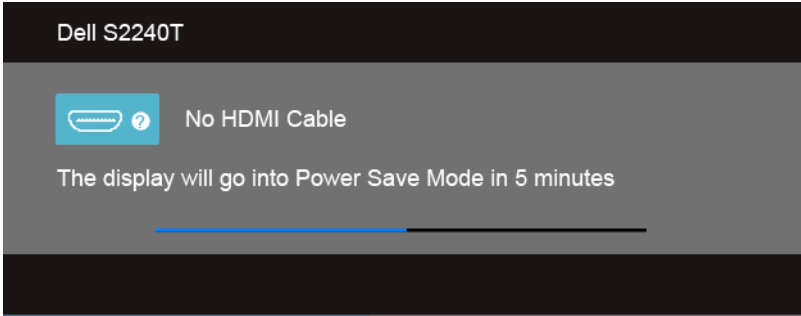
Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không thể bắt được tín hiệu video và đang hoạt động đúng. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn luôn sáng trắng. Ngoài ra, tùy vào đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại như minh họa dưới đây sẽ liên tục di chuyển qua màn hình.



hoặc



hoặc



4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video, rồi bật cả máy tính lẫn màn hình.

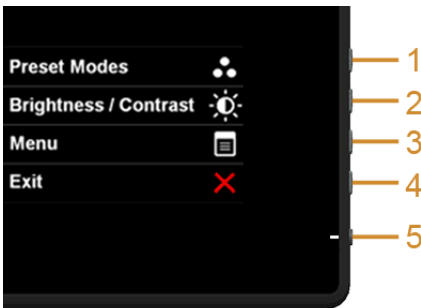
Nếu màn hình của bạn vẫn bị trống sau khi bạn sử dụng thủ tục trước, hãy kiểm tra trình điều khiển video và máy tính của bạn, vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng.

Chẩn đoán tích hợp sẵn

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn giúp bạn xác định xem vấn đề bất thường của màn hình mà bạn đang gặp có phải là vấn đề vốn có của màn hình hay của máy tính và bảng mạch video.



LƯU Ý: Chỉ khi nào cáp video được rút ra và màn hình đang ở *chế độ tự kiểm tra*, bạn mới chạy được chẩn đoán tích hợp sẵn.



Để chạy chẩn đoán tích hợp sẵn:

1. Đảm bảo rằng màn hình sạch (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút cáp video ra khỏi phần sau máy tính hay màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.

- Trong 2 giây, nhấn và giữ đồng thời **Nút 1** và **Nút 4** trên bảng điều khiển mặt bên. Một màn hình xám xuất hiện.
- Cẩn thận kiểm tra màn hình xem có điều gì bất thường không.
- Nhấn **Nút 4** trên bảng điều khiển mặt bên một lần nữa. Màu màn hình chuyển thành đỏ.
- Kiểm tra hiển thị xem có vấn đề bất thường không.
- Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong màn hình màu xanh lục, xanh lam, đen, trắng và văn bản.

Kiểm tra hoàn tất khi màn hình văn bản xuất hiện. Để thoát, nhấn **Nút 4** một lần nữa.

Nếu bạn không phát hiện bất kì điều bất thường nào trên màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp sẵn, tức là màn hình đang hoạt động đúng. Kiểm tra thẻ đồ họa và máy tính.

Minh họa tại cửa hàng

Đề vào chế độ InStore OSD

Tháo/ngắt kết nối tất cả các cáp. Đảm bảo màn hình đang ở chế độ "Bật". Nhấn và giữ **Nút 2** và **Nút 4** trong 5 giây.

Để thoát Chế độ OSD lưu trữ

Nhấn và giữ **Nút 2** và **Nút 4** trong 5 giây. Nếu xảy ra mất điện trong khi chạy minh họa, hãy tiếp tục chạy minh họa sau khi có điện trở lại.

Các vấn đề thông thường

Bảng sau cho biết thông tin chung về các vấn đề thông thường với màn hình mà bạn có thể gặp phải cũng như cho biết các giải pháp khả thi:

Dấu hiệu thường gặp	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Không có video/đèn LED nguồn tắt	Không có hình ảnh	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cáp video kết nối màn hình và máy tính được kết nối đúng và an toàn. Xác nhận ổ cắm điện đang hoạt động đúng bằng cách sử dụng thiết bị điện khác. Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết mức. Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu Input Source (Nguồn đầu vào).
Không có video/đèn LED nguồn bật	Không có hình ảnh hoặc không có độ sáng	<ul style="list-style-type: none"> Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD. Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình. Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn. Đảm bảo chọn đúng nguồn đầu vào trong menu Input Source (Nguồn đầu vào).

Hình ảnh mờ	Hình ảnh bị mờ, nhoè hoặc có bóng	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. Loại bỏ cáp mở rộng video. Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Thay đổi độ phân giải video theo tỉ lệ khung hình chính xác (16:9).
Video bị rung/lắc	Hình ảnh bị gợn sóng hoặc hơi giật	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Kiểm tra các yếu tố môi trường. Dời màn hình và kiểm tra ở phòng khác.
Thiếu điểm ảnh	Màn hình LCD có đốm	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn bật-tắt liên tục. Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: support.dell.com.
Điểm ảnh tê liệt	Màn hình LCD có đốm sáng	<ul style="list-style-type: none"> Nguồn bật-tắt liên tục. Pixel bị tắt vĩnh viễn là một khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chất lượng màn hình và Chính sách điểm ảnh của Dell, hãy truy cập trang web Hỗ trợ Dell tại: support.dell.com.
Các vấn đề về độ sáng	Hình ảnh quá tối hoặc quá sáng	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các điều khiển độ sáng và độ tương phản thông qua OSD.
Biến dạng hình học	Màn hình không được căn giữa đúng	<ul style="list-style-type: none"> Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. Điều chỉnh các điều khiển phương ngang và dọc thông qua OSD. <p>LƯU Ý: Khi sử dụng đầu vào DVI-D/HDMI, các điều chỉnh vị trí không sẵn dùng.</p>

Sọc ngang/dọc	Màn hình có một hoặc nhiều sọc	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. • Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem có phải những sọc này cũng có trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. • Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn. <p>LƯU Ý: Khi sử dụng đầu vào DVI-D/HDMI, các điều chỉnh Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) và Phase (Pha) không sẵn dùng.</p>
Các vấn đề đồng bộ hoá	Màn hình hiển thị lộn xộn hoặc có vẻ bị đứt gãy	<ul style="list-style-type: none"> • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện Auto Adjust (Điều chỉnh tự động) thông qua OSD. • Điều chỉnh các điều khiển Phase (Pha) và Pixel Clock (Xung quét điểm ảnh) thông qua OSD. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình hỗn độn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video. • Khởi động lại máy tính trong <i>safe mode (chế độ an toàn)</i>.
Các vấn đề liên quan đến an toàn	Dấu hiệu khói hoặc tia lửa có thể nhìn thấy	<ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kì bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ Dell ngay lập tức.
Các vấn đề chậm chờn	Lỗi màn hình bật rồi tắt	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn. • Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng). • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem vấn đề chậm chờn có xảy ra trong chế độ tự kiểm tra không.
Thiếu màu	Hình ảnh thiếu màu	<ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng và chắc chắn. • Kiểm tra xem có chân cắm nào bị cong hoặc bị gãy trong đầu kết nối cáp video.

Sai màu	Màu hình ảnh không tốt	<ul style="list-style-type: none"> Thay đổi Color Setting Mode (Chế độ thiết đặt màu sắc) trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu sắc) thành Graphics (Đồ họa) hoặc Video tùy theo ứng dụng. Thử các Color Preset Settings (Thiết đặt cho thiết lập sẵn về màu) khác nhau trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu sắc). Điều chỉnh giá trị R/G/B trong OSD Color Settings (Thiết đặt màu sắc) nếu Color Management (Quản lý màu sắc) tắt. Thay đổi Input Color Format (Định dạng màu sắc đầu vào) thành PC RGB hoặc YPbPr trong OSD Advance Setting (Thiết đặt nâng cao). Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.
Lỗi lưu ảnh từ một hình ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong thời gian dài	Trên màn hình xuất hiện bóng mờ từ hình ảnh hiển thị dạng tĩnh	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình bất cứ khi nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý điện năng). Nếu không, hãy sử dụng trình bảo vệ màn hình thay đổi linh động.

Vấn đề cảm ứng

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Lỗi về độ phản ứng của cảm ứng	Chức năng cảm ứng bị lệch vị trí hoặc không có chức năng cảm ứng	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cáp nguồn có chân cắm tròn. Rút ra rồi cắm lại cáp một chiều từ bộ chuyển đổi nguồn để cho phép mô-đun cảm ứng tự động hiệu chỉnh lại. Đảm bảo sử dụng cáp USB do Dell cung cấp để kết nối với máy tính. Đảm bảo máy tính hỗ trợ cáp USB 2.0. Nếu hệ thống không thể phát hiện được thiết bị, hãy tắt/bật nguồn màn hình hoặc rút/cắm cáp USB.
Màn hình cảm ứng không phản hồi trong chế độ tiết kiệm điện	Không thể đánh thức màn hình và máy tính bằng cách chạm trong chế độ tiết kiệm điện	<ul style="list-style-type: none"> Truy cập vào Device Manager (Trình quản lý thiết bị) và chọn HID Interface Device (Thiết bị giao diện người dùng) trong Human Device (Thiết bị người dùng). Chọn thuộc tính thiết bị phù hợp với HID Cho phép thiết bị đánh thức máy tính.
Hiệu chỉnh Win 7 và Win 8	Con trỏ không di chuyển đúng theo ngón tay của bạn khi bạn chạm vào màn hình	<ul style="list-style-type: none"> Vào bảng điều khiển để chọn thiết đặt Tablet PC (Máy tính bảng). Chọn Calibration (Hiệu chỉnh). Hiệu chỉnh lại màn hình của bạn theo văn bản trên màn hình Lưu hoặc huỷ dữ liệu hiệu chỉnh.

Các vấn đề cụ thể của sản phẩm

Dấu hiệu cụ thể	Vấn đề bạn gặp phải	Giải pháp khả thi
Hình ảnh màn hình quá nhỏ	Hình ảnh được căn giữa trên màn hình, nhưng không lấp hết toàn bộ khu vực xem	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra thiết đặt Scaling Ratio (Tỉ lệ co giãn) trong OSD Image Setting (Thiết đặt hình ảnh).• Cài lại màn hình về Factory Settings (Thiết đặt xuất xưởng).
Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển mặt bên	OSD không xuất hiện trên màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Tắt màn hình, rút cáp nguồn màn hình, cắm lại, rồi bật màn hình.• Kiểm tra xem menu OSD có bị khoá không. Nếu có, nhấn và giữ nút bên trên nút Nguồn trong 10 giây để mở khoá (để biết thêm thông tin, xem Menu Lock (Khoá menu)).
Không có Tín hiệu đầu vào khi nhấn vào các điều khiển người dùng	Không có hình ảnh, đèn LED sáng xanh lam.	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kì trên bàn phím.• Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần.• Cài lại máy tính hoặc đầu phát video.
Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình.	Hình ảnh không thể lấp hết chiều cao hoặc chiều rộng màn hình	<ul style="list-style-type: none">• Do định dạng video (tỉ lệ khung hình) khác nhau của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình.• Chạy chẩn đoán tích hợp sẵn.



LƯU Ý: Khi chọn chế độ DVI-D, chức năng **Auto Adjust (Điều chỉnh tự động)** sẽ không sẵn dùng.

CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn

CẢNH BÁO: Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc quy trình không được nêu trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, gặp rủi ro về điện và/hoặc cơ học.

Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem *Hướng dẫn thông tin sản phẩm*.

Thông báo FCC (Chỉ Hoa Kỳ) và Thông tin pháp quy khác

Để biết thông báo FCC và thông tin pháp quy khác, hãy truy cập trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Đối với các khách hàng ở Hoa Kỳ, hãy gọi **800-WWW-DELL (800-999-3355)**.



LƯU Ý: Nếu bạn không có kết nối Internet đang hoạt động, bạn có thể tìm thông tin liên hệ trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hoá đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell có cung cấp một số hỗ trợ trực tuyến và qua điện thoại. Mức sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn. Để liên hệ Dell về việc bán hàng, hỗ trợ kĩ thuật hoặc các vấn đề dịch vụ khách hàng:

1. Truy cập support.dell.com.
2. Xác nhận quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu thả xuống **Choose A Country/Region (Chọn một quốc gia/khu vực)** ở cuối trang.
3. Nhấn vào **Contact Us (Liên hệ với chúng tôi)** ở bên trái trang.
4. Chọn dịch vụ hoặc đường liên kết hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ Dell thuận tiện với bạn.

Thiết lập màn hình của bạn

Thiết đặt độ phân giải hiển thị

Để đạt hiệu năng hiển thị tối đa với hệ điều hành Microsoft® Windows®, hãy thiết đặt độ phân giải hiển thị thành **1920 x 1080** điểm ảnh bằng cách thực hiện các bước sau:

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền, nhấn **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấn vào danh sách thả xuống của Screen Resolution (Độ phân giải màn hình) và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấn **OK**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp vào **Apply (Áp dụng)**.

Nếu bạn không thấy tùy chọn độ phân giải khuyên dùng, bạn có thể cần cập nhật trình điều khiển đồ họa của mình. Vui lòng chọn kịch bản bên dưới mô tả đúng nhất hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và làm theo các bước được nêu.

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính di động của Dell™ mà có thể truy cập Internet

1. Truy cập <http://support.dell.com>, nhập thẻ dịch vụ và tải xuống trình điều khiển mới nhất cho thẻ đồ họa của bạn.
2. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể cài đặt độ phân giải thành 1920 x 1080, vui lòng liên hệ Dell™ để hỏi về thẻ đồ họa hỗ trợ các độ phân giải này.

Nếu bạn có máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc thẻ đồ họa không phải của Dell™

Trong Windows® 7, Windows® 8 và Windows® 8.1:

1. Riêng với Windows® 8 và Windows® 8.1, chọn ô lát Desktop để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấn chuột phải vào màn hình nền và nhấn **Personalization (Cá nhân hoá)**.
3. Nhấn vào **Change Display Settings (Thay đổi thiết đặt hiển thị)**.
4. Nhấn vào **Advanced Settings (Thiết đặt nâng cao)**.
5. Xác định nhà cung cấp trình điều khiển đồ họa của bạn từ mô tả ở trên cùng cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel v.v.).
6. Tham khảo trang web nhà cung cấp thẻ đồ họa để biết trình điều khiển cập nhật (ví dụ <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
7. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho thẻ đồ họa của bạn, hãy thử thiết đặt lại độ phân giải thành **1920 x 1080**.

Trong Windows® 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Display settings (Thiết đặt màn hình)**.
2. Nhấp vào **Advanced display settings (Thiết đặt hiển thị nâng cao)**.
3. Nhấp vào danh sách của **Resolution (Độ phân giải)** và chọn **1920 x 1080**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở trên cùng của cửa sổ (ví dụ như NVIDIA, ATI, Intel vv).
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp các đồ họa để tải trình điều khiển cập nhật (ví dụ, <http://www.ATI.com> HOẶC <http://www.NVIDIA.com>).
6. Sau khi cài đặt trình điều khiển cho các đồ họa của bạn, hãy đặt lại độ phân giải sang **1920 x 1080**.



LƯU Ý: Nếu bạn không thể thiết đặt độ phân giải khuyến dùng, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất máy tính của bạn hoặc xem xét việc mua thẻ đồ họa hỗ trợ độ phân giải video đó.